TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐIỆN BÀN
TỈNH QUẢNG NAM
Bản án số: 258/2018/HNGĐ-ST
Ngày 18/7/2018
V/v "Ly hôn,
tranh chấp về nuôi con
chia tài sản khi ly hôn"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh P

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐIỆN BÀN – TỈNH QUẢNG NAM

Thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Nhung.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Ngọc Hoàng
2. Bà Nguyễn Thị Nam Hải

Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Quốc Việt – Thư ký TAND thị xã Điện Bàn.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Điện Bàn***:** Bà Đỗ Thị Thương – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2018, tại Hội trường Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam mở phiên tòa công khai để xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 55/2018/TLST-HNGĐ, ngày 01/3/2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn" theo Quyết Đ đưa vụ án ra xét xử số: 69/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

a) Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T – Sinh năm 1981 (có mặt)
Nơi ĐKHKTT: Thôn ĐHN, xã ĐH, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.
Chỗ ở hiện nay: Thôn 4, xã ĐA, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam

b) Bị đơn: Ông Lê Văn P – Sinh năm 1976 (có mặt)
Địa chỉ: Thôn ĐHN, xã ĐH, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

c) Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
+ Ông Lê Văn H – Sinh năm 1942 (có mặt)
Địa chỉ: Thôn ĐHN, xã ĐH, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

+ Ông Trần Kim G – Sinh năm 1974 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn TM, xã ĐQ, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 30 háng 01 năm 2018 và các lời khai tại Tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà Nguyễn Thị T và ông Lê Văn P kết hôn vào ngày 06/9/1999 có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐH, thị xã Điện Bàn. Kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và được sự đồng ý của hai bên gia đình.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh P được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xuất phát từ việc không tin tưởng bà T, nghi ngờ, ghen tuông vô cớ rồi từ đó ông P thường xuyên uống rượu rồi về nhà gây gỗ, chửi bới, xúc phạm và đánh đập bà T nhiều lần. Không chịu được sự hành hạ của ông P nên vào tháng 5/2017 bà T bỏ chồng, con về nhà cha, mẹ ruột ở huyện Đại Lộc để sống, sau đó hai bên gia đình động viên bà T về sống cùng ông P để nuôi con, vì thương con nên vào tháng 02/2018 bà T đã quay về lại chung sống cùng ông P. Sống chung được thời gian ngắn thì ông P vẫn chứng nào, tật nấy không hề thay đổi, tiếp tục uống rượu về gây gỗ, chửi bới, xúc phạm và đánh đập bà T nên bà T đã gửi đơn ly hôn vào ngày 01/3/2018 rồi từ đó về lại nhà cha, mẹ ruột ở huyện Đại Lộc để sống đến nay, trong thời gian sống ly thân ông P đến nhà bà T kiếm chuyện gây gỗ, chửi bới, xúc phạm bà T cùng gia đình vợ. Không dừng lại ở đó ông P còn tìm đến chỗ làm của bà T để chửi bới và xúc phạm thậm tệ. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông P.

Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung

- Lê Ngọc P – Sinh ngày 16/5/2000 (đã thành niên).
- Lê Ngọc L – Sinh ngày 16/5/2000 (đã thành niên).
- Lê Ngọc H – Sinh ngày 05/5/2002.
- Lê Ngọc Đ – Sinh ngày 09/11/2006.

Hai con Ph và L hiện nay đã trưởng thành nên bà T không có ý kiến gì, bà T yêu cầu được nuôi con Lê Ngọc Đ và giao con Lê Ngọc H cho ông P nuôi dưỡng, hai bên tự lực nuôi con chung.

Về tài sản chung: Gồm

- 01 ngôi nhà xây cấp 4 gắn liền với đất ở diện tích 313,5m^2 tại thôn ĐHN, xã ĐH, thị xã Điện Bàn.
- Tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng NN và PTNT Phong Thử bà T đã rút tổng cộng gốc và lãi là: 15.930.300 đồng, trong đó: gốc là 15.000.000 đồng và lãi là 930.300 đồng
- 01 chiếc xe máy hiệu Sirius, biển số 92D1- 445.87
- 02 con bò mẹ và 2 con bò con.
- 01 tủ lạnh hiệu AQua model AQR
- 01 máy lọc nước hiệu Pansy
- 01 bếp ga hiệu FuRai + 01 bình ga.

Đất nông nghiệp và nợ chung: Không có.

Tài sản chung yêu cầu chia đôi theo pháp luật.

Bị đơn ông Lê Văn P trình bày: Thời gian tìm hiểu, kết hôn đúng như bà T đã khai. Nguyên nhân mâu thuẫn là do cả hai thường xuyên cãi vả nhau về công việc làm ăn, về kinh tế gia đình. Ông P nghi ngờ bà T quan hệ ngoại tình với người đàn ông ở chỗ làm của bà T rồi từ đó ông P uống rượu về nhà gây gỗ, xúc phạm và đánh đập bà T, vợ chồng xảy ra cải vả, mâu thuẫn trầm trọng. Bà T đã bỏ chồng, con về nhà cha, mẹ ở huyện Đại Lộc sống từ tháng 5/2017 đến tháng 02/2018 về sống lại cùng ông P được thời gian thì bà T làm đơn ly hôn và bỏ về nhà cha, mẹ sống từ đầu tháng 3/2018 đến nay, ông P đã nhiều lần đến động viên bà T về chung sống để cùng nhau nuôi dạy con chung nhưng bà T không đồng ý.

Nay bà T yêu cầu ly hôn ông P không đồng ý, xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, không muốn con phải sống xa cha, mẹ mong bà T về đoàn tụ chung sống để cùng nhau nuôi dạy các con trưởng thành.

Về con chung: Có 04 con chung gồm:

+ Lê Ngọc P – Sinh ngày 16/5/2000 (đã thành niên)
+ Lê Ngọc L – Sinh ngày 16/5/2000 (đã thành niên)
+ Lê Ngọc H – Sinh ngày 05/5/2002
+ Lê Ngọc Đ – Sinh ngày 09/11/2006

Ông P không đồng ý ly hôn, nhưng nếu Tòa xử cho ly hôn ông P yêu cầu được nuôi Lê Ngọc H và giao Lê Ngọc Đ cho bà T nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung gồm có:

- 01 ngôi nhà xây cấp 4 gắn liền với đất ở diện tích 313,5m^2
- Tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Phong Thử 15.000.000 đồng + lãi.
- 01 tủ lạnh hiệu Aqua model AQR
- 01 máy lọc nước hiệu Pansy
- 01 bếp ga hiệu FuRai + 01 bình ga

Đối với 02 cặp bò mẹ, con ông P đã bán cho ông Trần Kim G vào tháng 01/2018 với số tiền 40.000.000 đồng và đã sử dụng số tiền 40.000.000đ để chi tiêu trong gia đình hiện nay không còn, chiếc xe máy biển số 92D1- 445.87 là tài sản riêng của ông P đã mua vào tháng 6/2017.

Đất nông nghiệp và nợ chung: Không có

Tài sản chung không đồng ý chia mà cho các con.

Ông Trần Kim G trình bày tại lời khai có trong hồ sơ vụ án như sau: Vào tháng 01/2018 ông G đã mua của ông P hai cặp bò mẹ, con với giá 40.000.000 đồng, khi thực hiện giao dịch mua, bán không có bà T, ông G đã giao đủ tiền cho ông P và nhận 2 cặp bò mẹ, con. Sau khi thực hiện xong việc mua, bán ông G đã giao lại 2 cặp bò

mẹ, con cho ông P nuôi rẻ để sau này bò tăng giá bán ăn chia phần trăm theo tỷ lệ ông G hưởng 7, ông P hưởng 3. Nay bà T yêu cầu chia tài sản chung gồm 2 cặp bò mẹ, con ông G không đồng ý vì ông G đã mua tài sản đó và trả đủ tiền nên đó là tài sản của ông G.

Ông Lê Văn H trình bày: Vào tháng 5/2017 ông P có nhu cầu mua xe máy nhưng không có tiền nên ông P đã mượn của ông H số tiền 10.000.000 đồng, vì chỗ cha, con nên khi mượn tiền không viết giấy mượn và bà T không biết, nay bà T yêu cầu chia tài sản đối với chiếc xe máy thì ai là người nhận xe phải trả cho ông H số tiền đã mượn là: 10.000.000 đồng.

Tóm tắc ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

1. Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn ông Lê Văn P, ông Lê Văn H, ông Trần Kim G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do.

2. Về giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX như sau:

- Về hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn ông Lê Văn P.

- Về con chung: Giao con Lê Ngọc Đ cho bà T nuôi dưỡng, giao con Lê Ngọc H cho ông P nuôi dưỡng, hai bên tự lực nuôi con chung và được quyền thăm con chung sau ly hôn.

-Về tai sản chung: Chia như sau:

+ Phần ông P được chia: Phần nhà và đất ở diện tích 313,5m^2 trị giá: 457.702.900 đồng; 01 tủ lạnh hiệu AQua model trị giá: 4.340.000 đồng; 01 máy lọc nước hiệu Pansy trị giá: 2.460.000 đồng; 01 bếp ga hiệu FuRai + 01 bình ga trị giá: 770.000 đồng; Tiền bán bò: 40.000.000 đồng. Tổng cộng: 505.272.900 đồng

+ Phần bà T được chia: 01 chiếc xe máy hiệu Sirius, biển số: 92D1- 445.87 trị giá: 11.926.000 đồng; Tiền rút tiết kiệm (gốc và lãi): 15.930.300 đồng. Tổng cộng: 27.856.300 đồng. Ông P phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà T phần giá trị chênh lệch tài sản chung số tiền: 238.708.300 đồng.

NHẬN Đ CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận Đ:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị T yêu cầu ly hôn, giải quyết con chung và tài sản chung đối với ông Lê Văn P, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp huyện. Ông Lê Văn P có nơi cư trú tại xã ĐH, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng

Nam theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS thì vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Trần Kim G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Lê Văn P kết hôn với nhau vào ngày 06/9/1999, có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐH, thị xã Điện Bàn. Kết hôn trên cơ sở tự nguyện, quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị T và ông Lê Văn P là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh P được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn được hai bên thừa nhận: Xuất phát từ việc ông P không T tưởng bà T, nghi ngờ bà T quan hệ ngoại tình với người khác, từ đó ông P uống rượu về nhà gây gỗ, xúc phạm và đánh đập bà T, vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xác, cải vả nhau, bà T nhiều lần bỏ chồng, con về nhà cha, mẹ ở huyện Đại Lộc để sống rồi sau đó quay về chung sống với ông P được thời gian thì vợ chồng tiếp tục xảy ra cải vả, xô xác nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ ngày 01/3/2018 đến nay. Lời khai của các đương sự phù hợp với nội dung xác minh do Tòa án thu thập được. Trong trường hợp này xét thấy vợ chồng bà T mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, vợ chồng không còn tin tưởng và tôn trọng nhau, yêu cầu ly hôn của bà T là có căn cứ nên được HĐXX chấp nhận, xử cho bà T được ly hôn với ông P là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Xét về con chung: Vợ, chồng có 4 con chung

+ Lê Ngọc P – Sinh ngày 16/5/2000
+ Lê Ngọc L – Sinh ngày 16/5/2000
+ Lê Ngọc H – Sinh ngày 05/5/2002
+ Lê Ngọc Đ – Sinh ngày 09/11/2006

Hai con Lê Ngọc P và Lê Ngọc L thành niên, nên HĐXX không xem xét. Đối với 2 con Lê Ngọc H và Lê Ngọc Đ tại phiên tòa ông P và bà T thỏa thuận giao cháu H cho ông P nuôi dưỡng, giao cháu Đ cho bà T nuôi dưỡng. Cháu H không muốn cha mẹ ly hôn nên không thể hiện nguyện vọng sống cùng ai nhưng hiện nay cháu H đang sống và học tập ổn định tại xã Điện Hồng, còn cháu Đ hiện nay đang sống cùng bà T và có nguyện vọng được sống cùng mẹ để tiếp tục học tập tại xã ĐA, huyện Đại Lộc. Do đó để đảm bảo ổn định đời sống vật chất, tin thần cho con chưa thành niên, đồng thời giữ nguyên môi trường sống, sinh hoạt, học tập của các con và đáp ứng nguyện vọng của con từ 7 tuổi trở lên, HĐXX cần phải công nhận sự thỏa thuận của hai đương sự, giao cháu H cho ông P nuôi dưỡng và giao cháu Đ cho bà T nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con các đương sự không yêu cầu nên không xét. Sau khi ly hôn, ông P và bà T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[5] Xét về tài sản chung:

{5.1} Những tài sản chung được 2 đương sự thừa nhận gồm:

- 01 ngôi nhà xây cấp 4 gắn liền với đất ở diện tích 313,5m^2 trị giá tổng cộng (nhà và đất): 457.702.900 đồng
- Tiền rút tiết kiệm (gốc và lãi): 15.930.300 đồng
- 01 tủ lạnh hiệu AQua model trị giá: 4.340.000 đồng
- 01 máy lọc nước hiệu Pansy trị giá: 2.460.000 đồng
- 01 bếp ga hiệu FuRai + 01 bình ga trị giá: 770.000 đồng

{5.2} Những tài sản đang tranh chấp:

+ Xe máy biển số 92D1- 445.87 trị giá 11.926.000 đồng: Ông P khai đã mua xe vào tháng 6/2017 với giá 16.000.000 đồng, khi mua xe có mượn của ông H 10.000.000 đồng vào tháng 5/2017, còn lại 6.000.000 đồng ông P làm ra trong thời gian bà T bỏ nhà ra đi nên chiếc xe nêu trên là tài sản riêng của ông P, nhưng bà T không chấp nhận. Xét thấy: Căn cứ vào văn bản xác minh nguồn gốc phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 09/4/2018 do Công an thị xã Điện Bàn cung cấp đã thể hiện: Biển số 92D1-445.87; Chủ xe: Lê Văn P; Địa chỉ: ĐHN, xã ĐH, Điện Bàn; Số CMND 205027255; Loại xe: Hai bánh; Nhãn hiệu YAMAHA, số loại: SIRIUS; Ngày đăng ký mới: 30/9/2016; Ngày đăng ký lần đầu: 30/9/2016. Do đó có căn cứ xác định chiếc xe biển số 92D1-445.87 vợ chồng ông P mua vào tháng 9/2016, mua xe trong thời gian vợ chồng đang sống cùng nhau, thời kỳ hôn nhân tồn tại nên chiếc xe máy biển số 92D1-445.87 là tài sản chung của vợ chồng. Đối với số tiền 10.000.000 đồng là nợ giữa ông H và ông P phát sinh vào tháng 5/2017 sau thời điểm mua xe, không liên quan đến việc mua xe, do đó ông H yêu cầu ai nhận chiếc xe biển số 92D1-445.87 phải trả cho ông số nợ 10.000.000 đồng không có căn cứ chấp nhận.

+ Hai cặp bò mẹ, con trị giá: 40.000.000 đồng: Ông P và bà T thừa nhận vợ chồng có 2 cặp bò mẹ, con, nhưng ông P khai trong thời gian bà T bỏ nhà ra đi vào tháng 01/2018 ông P đã bán cho cậu ruột Trần Kim G với số tiền 40.000.000 đồng và đã sử dụng chi phí nuôi con hết, bà T không chấp nhận. Xét thấy: Tài sản chung của vợ chồng khi bán phải được sự đồng ý của cả vợ lẫn chồng, đằng này ông P tự ý bán tài sản chung mà không được sự đồng ý của đồng sở hữu là xâm phạm đến quyền lợi của bà T. Tuy nhiên để không ảnh hưởng đến quyền lợi của người mua là ông Trần Kim G HĐXX chấp nhận việc mua, bán giữa ông P và ông G, đồng thời để quyền lợi của bà T được đảm bảo HĐXX xem xét số tiền bán bò 40.000.000 đồng. Ông P khai đã sử dụng 40.000.000 đồng để chi phí nuôi con trong thời gian bà T bỏ đi, hiện nay không còn, tuy nhiên bà T khai trong thời gian bà T bỏ nhà ra đi mọi chi phí sinh hoạt và học tập của các con bà T đã đưa tiền cho các con, việc này các con có kể lại cho ông P và được ông

P thừa nhận tại phiên tòa. Do đó việc ông P khai đã sử dụng hết số tiền bán bò 40.000.000 đồng để chi phí nuôi con là không có căn cứ chấp nhận. Ông P tự sử dụng số tiền bán bò không được bà T chấp nhận nên ông P phải có nghĩa vụ chia đôi số tiền 40.000.000 đồng cho bà T là đúng pháp luật.

{5.3} Tổng cộng tài sản chung của bà T và ông P trị giá thành tiền là: 533.129.200 đồng. Toàn bộ tài sản chung do ông P và bà T tạo ra trong thời kỳ hôn nhân còn tồn tại, không có sự đóng góp công sức và tiền bạc của người khác. Công sức đóng góp vào việc tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản chung các đương sự không tranh chấp nên được xác định là ngang nhau. Ông P không đồng ý chia tài sản chung mà để lại cho các con nhưng bà T không chấp nhận. Căn cứ Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình tài sản chung được chia đôi ông P và bà T mỗi người được chia tài sản chung trị giá thành tiền là: 266.564.600 đồng.

Xét về nhu cầu nhà ở: Bà T hiện nay đang nuôi con nhỏ và chưa có chỗ ở ổn định phải ở nhờ nhà cha mẹ ruột tại xã ĐA, huyện Đại Lộc, lẽ ra phải giao ngôi nhà này cho bà T ở để nuôi con sau khi ly hôn, tuy nhiên bà T cho rằng hiện nay ngôi nhà liền kề với nhà cha, mẹ ông P nên bà T không thể nhận ngôi nhà để ở được, bà T đồng ý giao nhà cho ông P sở hữu và ông P phải có nghĩa vụ thanh toán giá trị phần chênh lệch cho bà T, yêu cầu của bà T là có cơ sở nên được HĐXX chấp nhận.

{5.4} Tài sản chung được chia như sau:

+ Phần ông P được nhận và sở hữu:

- Phần nhà trên đất và quyền sử dụng đất diện tích 313,5m^2 trị giá : 457.702.900 đồng
- 01 tủ lạnh hiệu AQua model trị giá: 4.340.000 đồng
- 01 máy lọc nước hiệu Pansy trị giá: 2.460.000 đồng
- 01 bếp ga hiệu FuRai + 01 bình ga trị giá: 770.000 đồng
- Tiền bán bò: 40.000.000 đồng

Tổng cộng: 505.272.900 đồng

+ Phần bà T được nhận và sở hữu:

- 01 chiếc xe máy hiệu Sirius, biển số 92D1- 445.87 trị giá: 11.926.000 đồng
- Tiền rút tiết kiệm (gốc và lãi): 15.930.300 đồng

Tổng cộng: 27.856.300 đồng

Ông P phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà T phần giá trị chênh lệch tài sản chung số tiền: 238.708.300 đồng.

Hiện nay ông P đang quản lý xe máy biển số: 92D1- 445.87 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe nên ông P phải có nghĩa vụ giao xe cùng giấy đăng ký xe cho bà T. Xe máy biển số 92D1- 445.87 hiện nay tên chủ xe là Lê Văn P, do đó bà T và ông P phải có nghĩa vụ lập thủ tục chuyển quyền sở hữu xe máy nêu trên theo quy định của pháp luật.

Về nợ chung và đất nông nghiệp không có nên không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ Luật Phí và lệ phí, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và Điều 147 BLTTDS thì bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, ông P và bà T mỗi người phải chịu 13.328.200 đồng án phí chia tài sản.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT Đ:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, các Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, Luật Phí và lệ phí, Điều 468 Bộ luật Dân sự, điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với ông Lê Văn P về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản khi ly hôn".

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị T và ông Lê Văn P.

[2] Về quan hệ con chung: Có 04 con

+ Lê Ngọc P – Sinh ngày 16/5/2000 (đã thành niên)
+ Lê Ngọc L – Sinh ngày 16/5/2000 (đã thành niên)
+ Lê Ngọc H – Sinh ngày 05/5/2002
+ Lê Ngọc Đ – Sinh ngày 09/11/2006

Giao con Lê Ngọc H cho ông Lê Văn P trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng (Lê Ngọc H hiện nay đang sống cùng ông Lê Văn P).

Giao con Lê Ngọc Đ cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. (Lê Ngọc Đ hiện nay đang sống cùng bà Nguyễn Thị T).

Bà Nguyễn Thị T, ông Lê Văn P tự lực nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung được chia như sau:

{3.1} Phần ông Lê Văn P được nhận và sở hữu:

- Nhà trệt, mái tôn, tường xây, nền gạch men, có sa nô, trụ BTCT, ô tơ cao 4,4m và gát lững đúc; Nhà dưới: Nhà trệt, tường xây 110, mái lợp tôn, nền gạch men, ô tơ cao 3m; Chái bên, mái tôn, nền xi măng; Chuồng bò tường xây lững; Sân gạch vỡ lát xi măng; Hàng rào xây gạch lững; Hàng rào lam bê tông; Hàng rào lưới B40 và quyền sử dụng đất diện tích 313,5m^2; Mục đích sử dụng: Đất ở nông thôn; Thửa đất số 698/01; Tờ bản đồ số 12; Địa chỉ nhà và đất: Thôn ĐHN, xã ĐH, thị xã Điện Bàn. Được xác định tứ cận như sau: (kèm theo sơ đồ)

+ Cạnh phía Bắc giáp đường bê tông 3m có độ dài: 10m
+ Cạnh phía Nam giáp thửa đất số 714 của hộ Lê Văn H có độ dài: 8m
+ Cạnh phía Đông giáp thửa đất số 699 của hộ Lê Văn V có độ dài: 31,34m

+ Cạnh phía Tây giáp thửa đất số 700 của hộ Lê Văn H có độ dài: 31,34m

Trị giá (phần tài sản xây trên đất và quyền sử dụng đất): 457.702.900 đồng.

- Một tủ lạnh hiệu AQua model trị giá: 4.340.000 đồng
- Một máy lọc nước hiệu Pansy trị giá: 2.460.000 đồng
- Một bếp ga hiệu FuRai + 01 bình ga trị giá: 770.000 đồng
- Tiền bán bò: 40.000.000 đồng

Tổng cộng: 505.272.900 đồng (toàn bộ số tài sản nêu trên hiện nay ông Lê Văn P đang quản lý)

{3.2} Phần bà Nguyễn Thị T được nhận và sở hữu:

- Một chiếc xe nhãn hiệu YAMAHA; Số loại: SIRIUS; Biển số: 92D1- 445.87 trị giá: 11.926.000 đồng (ông Lê Văn P đang quản lý)
- Tiền rút tiết kiệm (gốc và lãi): 15.930.300 đồng (bà Nguyễn Thị T đang quản lý)

Tổng cộng: 27.856.300 đồng

Ông Lê Văn P phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị T phần giá trị chênh lệch tài sản chung số tiền: 238.708.300 đồng (hai trăm ba mươi tám triệu, bảy trăm lẽ tám nghìn, ba trăm đồng).

Ông Lê Văn P phải có nghĩa vụ giao cho bà Nguyễn Thị T chiếc xe nhãn hiệu YAMAHA; Số loại: SIRIUS; Biển số: 92D1- 445.87 (số máy: 5C6J218667, số khung: RLCS5C6JOGY218669) cùng giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy của xe nêu trên. Bà Nguyễn Thị T và ông Lê Văn P phải có nghĩa vụ lập thủ tục chuyển quyền sở hữu đối với xe máy biển số: 92D1- 445.87 theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 13.328.200 đồng án phí chia tài sản. Tổng cộng: 13.628.200 đồng (mười ba triệu, sáu trăm hai mươi tám nghìn, hai trăm đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu số: 0008891, ngày 01/3/2018 và số tiền 2.825.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0008962, ngày 29/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Điện Bàn. Bà Nguyễn Thị T còn phải nộp tiếp tiền án phí là:10.503.200 đồng (mười triệu, năm trăm lẽ ba nghìn, hai trăm đồng)

Ông Lê Văn P phải chịu 13.328.200 đồng (mười ba triệu, ba trăm hai mươi tám nghìn, hai trăm đồng) án phí chia tài sản.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./

Nơi nhận:
- Những người TGTT;
- VKS, THA;
- Tòa án Tỉnh;
- UBND xã ĐH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Thị Nhung